

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày 19 – 7 – 2022
“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tiến Dũng
2. Ông Nguyễn Chí Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TL.ST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Lệ H, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp 2, xã VB, huyện VT, tỉnh H (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị H1, sinh năm 1968; ông Phan Thanh H2, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp 7B1, xã VTh, huyện VT, tỉnh H (có mặt).

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp 2, xã VB, huyện VT, tỉnh H (có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp 3, xã VTh, huyện VT, tỉnh H (có mặt).

3.3. Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp 2, xã VB, huyện VT, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Mai Lệ H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên tôi có hỏi vàng và tiền dùm cho bà Lê Thị H1 tổng số tiền và vàng nhiều lần như sau:

Vào ngày 01/4/2013 (tức ngày 21/2/2013 âm lịch) tôi có vay dùm bà Lê Thị H1 làm tạp vụ và chồng bà H1 là ông Phan Thanh H2 Phó hiệu trưởng Trường tiểu học Vị Thanh 3 số lượng 01 cây vàng 24K lãi suất mỗi tháng 1.000.000đồng, mục đích vay bà H1 nói có việc riêng, bà H1 chỉ trả lãi đến tháng 5/2015 (tức tháng 3/2015 âm lịch) đến nay không trả vốn lãi.

Ngày 11/8/2017 (20/6/2017 âm lịch) bà H1 nhờ tôi hỏi thêm cho bà H1 06 cây vàng 24K. Đến ngày 16/6/2017 (25/6/2017 âm lịch) bà H1 đem trả tôi 100.000.000đồng còn nợ 50.000.000đồng tiền vốn đến nay không trả. Ngày 21/10/2017 (02/9/2017 âm lịch), tôi có hỏi dùm bà H1 thêm 12.000.000đồng. Tổng số tiền nợ 62.000.000đồng. Thời hạn vay bà H1 xác định 1 tháng trả, kể từ ngày vay, nhưng đến nay bà H1 không trả vốn và lãi.

Ngoài ra, bà H1 có nhờ tôi hỏi dùm số vàng để cất nhà và cưới vợ cho con như sau: Ngày 31/12/2015 (ngày 21/11/2015 âm lịch) tôi có hỏi dùm và H1 04 chỉ vàng 24K. Ngày 06/01/2016 (27/11/2015 âm lịch) tôi có hỏi dùm và H1 02 cây vàng SJC. Ngày 22/01/2016 (13/12/2015 âm lịch) tôi có hỏi dùm và H1 01 cây vàng 24K. Ngày 31/01/2016 (22/12/2015 âm lịch) tôi có hỏi dùm và H1 01 cây vàng 24K. Tất cả lãi suất 1 cây vàng là 2.000.000đồng/tháng, nhưng bà H1 chỉ đóng được 1 tháng, còn lại không đóng.

Đến ngày 29/3/2016 (21/02/2016 âm lịch) tôi có hỏi dùm và H1 01 cây vàng 24K lãi suất 1.000.000đồng/tháng, bà H1 không đóng lãi lần nào.

Ngày 13/3/2017 (ngày 16/02/2017 âm lịch) tôi có hỏi dùm cho bà H1 05 cây vàng 24K với lãi suất 900.000đồng/tháng/cây vàng. Ngày 29/3/2017 (02/3/2017 âm lịch) bà H1 trả được 02 cây vàng 24K, còn lại 03 cây vàng 24K chưa trả.

Đến đầu tháng 8/2017 (khoảng đầu tháng 6/2017 âm lịch) bà H1 mượn tôi sợi dây chuyền 03 chỉ 33 ly vàng 18K. Bà H1 hẹn 10 ngày trả nhưng đến nay vẫn không trả.

Trong quá trình vay bà H1 nhiều lần nói lý do cần tiền để lo cho chồng, cất nhà, cưới vợ cho con, mổ vai, trả nợ ngân hàng... nhưng nhiều lần đến nhà ông Phan Thanh H2 đều khẳng định không sử dụng tiền của bà H1 và những điều bà H1 nói không đúng sự thật nên tôi khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tổng cộng bà H1 có vay của bà của tôi số tiền, vàng tổng cộng 17,4 cây vàng 24K (trong đó: loại SJC là 03 cây; và 14,4 cây vàng 9999; 3,33 chỉ vàng 18K) và số tiền 62.000.000đồng. Nhưng bà H1 đã trả được 02 cây vàng 9999 nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Lê Thị H1 và ông Phan Thanh H2 có trách nhiệm thanh toán phần còn lại là 15,4 cây vàng 24K (trong đó loại SJC là 03 cây và 12,4 cây vàng 9999); 3,33 chỉ vàng 18K, và số tiền 62.000.000đồng. Trong số nợ tôi vay dùm bà H1, tôi vay của bà Trần Thị Nh 10,4 cây vàng 24k (trong đó có 02 cây vàng SJC, 8,4 cây vàng 24K 9999) và số tiền 62.000.000đồng. Tôi vay của bà Nguyễn Thị Thu H 07 cây vàng (trong đó có 06 cây vàng 9999, 01 cây SJC). Còn 3,33 chỉ vàng 18K là của tôi, tôi cho bà H1 mượn sợi dây chuyền, do bà H1 té xe không bán vàng được nên có nhờ tôi bán dùm, tôi không nhớ số tiền bán ra là bao nhiêu, tôi có cung cấp tờ giấy bán vàng. Lúc tôi cho bà H1 mượn là mượn vàng chứ không cho mượn tiền, nên tôi yêu cầu bà H1 phải trả vàng cho tôi.

Bị đơn bà Lê Thị H1 trình bày ý kiến: Tôi thừa H1 các khoản nợ như sau: Về tiền mặt 62.000.000đồng; về vàng tôi có nhờ bà H vay dùm của bà Nh 05 cây vàng 24K, tôi đã trả 02 cây, còn lại 03 cây vàng 24K (vàng thông thường loại 98%). Đối với sợi dây chuyền 3,33 chỉ vàng 18K tôi mượn để nằm viện nhưng lúc bán vàng thành tiền 6.260.000đồng, bà H đưa tôi bằng tiền nên tôi chỉ đồng ý trả tiền. Không đồng ý trả vàng như lời trình bày của bị đơn. Phần còn lại bị đơn không có vay, nên không đồng ý trả. Tại phiên tòa, bà H1 đồng ý trả vàng đối với 3,33 chỉ vàng 18K như yêu cầu của bà H.

Bị đơn ông Phan Thanh H2 trình bày ý kiến: Việc vay tiền và vàng của vợ tôi thì tôi không biết, nhưng khi phát hiện ra vợ tôi có thừa nhận còn nợ 03 cây vàng 24k do nhờ bà H vay của bà Trần Thị Nh và số tiền tổng cộng là 68.260.000đồng thì tôi cũng đồng ý trả nợ cùng với vợ tôi đối với những phần vợ tôi thừa nhận, những phần khác tôi không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Người làm chứng Trần Thị Nh trình bày ý kiến: Bà H có vay của tôi số vàng 10,4 cây vàng 24k (trong đó có 02 cây vàng SJC, phần còn lại 8,4 cây vàng 24K 9999) và số tiền 62.000.000đồng; không có lập thành biên nhận; Do bà H trực tiếp đến vay, nhưng bà H nói là vay cho bà Lê Thị H1. Tuy nhiên, bà H1 không

trực tiếp đến thỏa thuận, cũng không đến nhận tiền mà bà H là người trực tiếp đứng ra vay và nhận tiền, vàng. Việc giao nhận vàng 05 cây vàng 24K loại 9999 giao năm 2017, tại nhà tôi (không nhớ ngày) có sự chứng kiến của tôi chồng tôi Trương Văn Tư, con tôi Trương Hoàng Kha; bà Mai Lệ H và bà Lê Thị H1. Bà H có nói là vay số vàng này dùm cho bà H1 và khi nhận vàng trực tiếp tại nhà tôi thì bà H đưa trực tiếp cho bà H1. Đối với vàng và tiền còn lại do bà H nhận trực tiếp và về có đưa lại cho cho bà H1 hay không thì tôi không có chứng kiến. Thời gian vay: 05 cây vàng 24k 9999; 02 cây vàng SJC; 03 cây 9999 vay năm 2016; 04 chỉ vay năm 2015; tiền 62.000.000đồng vay năm 2017. Việc vay tiền vàng chia thành nhiều đợt, tôi không nhớ rõ ngày. Trong số vàng đã vay thì bà Hận cầm 02 cây vàng 9999 cùng bà H sang nhà tôi trả thời gian trả năm 2017 (tôi không nhớ ngày). Phần còn lại bà H là người đứng ra trả nợ, bà H đã trả tôi toàn bộ số tiền vàng đã vay.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu H3 trình bày ý kiến: Bà H có đến vay của tôi 07 cây vàng 24K (trong đó có 06 cây vàng 9999, 01 cây SJC). Thời gian vay: 01 cây SJC vay năm 2013; 06 cây vàng 9999 vay năm 2017; nghe bà H nói lại là vay cho bà H1, chứ bà H1 không có trực tiếp đến vay, việc giao nhận vàng bà H là người trực tiếp nhận, việc thỏa thuận vay và giao nhận vàng giữa bà H và bà H1 thì tôi không có chứng kiến. Thời hạn vay: 01 tháng; thỏa thuận mức lãi suất 1.000.000đồng/1 cây vàng; việc thực hiện đóng lãi suất do bà H đóng lãi trực tiếp cho tôi trong 02 năm đối với số vàng 01 cây SJC, còn đối với 06 cây vàng 9999 không có đóng lãi. Bà H1 không có đóng lãi lần nào. Tuy nhiên, bà H không trả nợ đúng hạn nên tôi có đòi lại vàng nhưng bà H không trả được. Khoảng giữa năm 2018 (không nhớ rõ ngày tháng) tôi kết tiền cưới vợ cho con nên đòi bà H trả nợ gốc thì bà H1 có qua năn nỉ tôi cho chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà H, bà H1 có nói số vàng này là bà H vay dùm bà H1. Lúc nói bà H1 đứng ngoài sân nhà tôi, có mặt bà H, ngoài ra không có ai chứng kiến. Bà H là người đứng ra trực tiếp trả nợ cho tôi, đã trả hết cho tôi toàn bộ số vàng này khoảng năm 2021.

Tại Biên bản đối chất ngày 22/6/2022 bà H trình bày thêm: Tôi nhớ có 01 lần bà H1 cùng bà H và tôi Cẩm T qua nhà bà H để thỏa thuận. Bà H1 thỏa thuận với bà H sẽ trả số vàng 06 cây vàng 24K loại 9999 và 01 cây vàng 24K loại SJC; để bà H1 sang đất và từ từ trả cho bà H3. Lúc đó bà H1 nói sẽ lấy tiền bảo hiểm để trả cho bà H3. Lúc đó bà H3 chấp nhận thỏa thuận để cho bà H1 trả từ từ. Từ

đó bà H1 không có trả vàng cho bà H3. Tôi không nhớ ngày tháng năm. Tại phiên tòa, bà H3 xác định do nhớ không rõ nên trình bày có mâu thuẫn và khẳng định lời khai tại phiên tòa là đúng.

Người làm chứng Lê Thị Cẩm T trình bày ý kiến: Ngày 01/4/2013, tôi là người chở bà H đến ngay dốc cầu 13000 và chứng kiến bà H đưa cho bà H1 01 cây vàng SJC. Đến ngày 11/8/2017, tôi là người trực tiếp đưa bà H qua nhà bà H1 để đòi số tiền, vàng bà H1 còn thiếu nhưng bà H1 không có trả. Vì muốn trả Nh số vàng bà H1 hỏi bà Nh nên bà H1 và bà H có thỏa thuận sẽ hỏi vàng của bà H3 để trả lại số vàng cho bà Nh. Việc thỏa thuận cùng ngày 11/8/2017, tại nhà bà H1. Sau khi thỏa thuận xong tôi chở bà H đi qua nhà bà H3, bà H3 đã đưa số vàng 06 cây vàng 24K loại 9999 đưa cho H, sau khi nhận vàng xong tôi chở bà H quay lại nhà bà H1 để đưa vàng nhưng bà H1 không có nhà nên tôi và bà H đi về trước cửa nhà bà H3 để trả lại số vàng lại cho bà H3 nhưng bà H1 đã lại trước cửa nhà bà H3 để lấy, có tôi và bà H chứng kiến, ngoài ra không còn ai khác chứng kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015; Buộc bà Lê Thị H1 và ông Phan Thanh H2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Lệ H số tiền 62.000.000đồng; 03 cây vàng 24K (loại 9999), 01 sợi dây chuyền vàng nữ trang 18K, có trọng lượng 3,33 chỉ, phần còn lại không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Mai Lệ H khởi kiện bà Lê Thị H1, ông Phan Thanh H2 yêu cầu trả số tiền, vàng đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo quy định

tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Lệ H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị H1, ông Phan Thanh H2 phải trả số tiền, vàng đã vay gồm 15,4 cây vàng 24K (trong đó loại SJC là 03 cây và 12,4 cây vàng 9999); 3,33 chỉ vàng nữ trang 18K, và số tiền 62.000.000đồng. Bà H không yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy: Việc thỏa thuận cho vay giữa bà H và bà H1 không lập thành văn bản, không có người chứng kiến, bà H xác định việc vay tiền, vàng giữa bà H và bà H1 có con gái là Lê Cẩm T, bà Trần Thị Nh, bà Nguyễn Thị Thu H3 chứng kiến.

[3] Quá trình tố tụng tại tòa án, đối với lời khai người làm chứng Trần Thị Nh trình bày: *“Bà H có vay của tôi số vàng 10,4 cây vàng 24K (trong đó có 02 cây vàng SJC, phần còn lại 8,4 cây vàng 24K 9999) và số tiền 62.000.000đồng; không có lập thành biên nhận; Do bà H trực tiếp đến vay, nhưng bà H nói là vay cho bà Lê Thị H1. Tuy nhiên, bà H1 không trực tiếp đến thỏa thuận, cũng không đến nhận tiền mà bà H là người trực tiếp đứng ra vay và nhận tiền, vàng. Việc giao nhận 05 cây vàng 24K loại 9999 giao năm 2017, tại nhà bà Nh (không nhớ ngày) thì có sự chứng kiến của chồng bà Nh ông Trương Văn Tư, con bà Nh Trương Hoàng Kha; bà Mai Lệ H và bà Lê Thị H1, bà H có nói là vay số vàng này dùng cho bà H1 và khi nhận vàng trực tiếp tại nhà tôi thì bà H đưa trực tiếp cho bà H1. Đối với số vàng và tiền còn lại do bà H nhận trực tiếp và về có đưa lại cho cho bà H1 hay không thì bà Nh không có chứng kiến”.*

[4] Đối với người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu H3: Tại biên bản đối chất ngày 02/6/2022: *Bà H có đến vay của tôi 07 cây vàng 24K (trong đó có 06 cây vàng 9999, 01 cây SJC). Thời gian vay: 01 cây SJC vay năm 2013; 06 cây vàng 9999 vay năm 2017; nghe bà H nói lại là vay cho bà H1, chứ bà H1 không có trực tiếp đến vay. Việc giao nhận vàng bà H là người trực tiếp nhận, việc thỏa thuận vay và giao nhận vàng giữa bà H và bà H1 thì bà H3 không có chứng kiến. Thời hạn vay trong thời hạn 01 tháng; thỏa thuận mức lãi suất 1.000.000đồng/1 cây vàng; việc thực hiện đóng lãi suất do bà H đóng lãi trực tiếp cho bà H3 trong 02 năm đối với số vàng 01 cây SJC, còn đối với 06 cây vàng 9999 không có đóng lãi. Bà H1 không có đóng lãi lần nào. Tuy nhiên, bà H không trả nợ đúng hạn nên bà Nh có đòi lại vàng nhưng bà H không trả được. Khoảng giữa năm 2018 (không nhớ rõ ngày tháng) bà H3 kết tiền cưới vợ cho con nên đòi bà H trả nợ gốc thì bà H1 có qua năn nỉ bà H3 cho bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ,*

bà H1 có nói số vàng này là bà H vay dùm bà H1. Lúc bà H1 nói là đứng ngoài sân nhà bà H3, có mặt bà H, ngoài ra không có ai chứng kiến”. Tại Biên bản đối chất ngày 22/6/2022 và tại phiên tòa bà H3 trình bày thêm: Lúc bà H1 đến năn nỉ bà H3 chậm đòi nợ bà H thì có sự chứng kiến của bà Lê Thị Cẩm T.”

[5] Đối với Lê Thị Cẩm T trình bày: Bà T nhiều lần chứng kiến việc giao nhận tiền vàng giữa bà H và bà H1. Tuy nhiên, xét về mối quan hệ Lê Thị Cẩm T là con ruột của bà H nên việc làm chứng là không khách quan. Đồng thời, đối chiếu lời khai bà Cẩm T với những người làm chứng bà Nh, bà H3 cũng không chứng minh được việc bà H đã vay vàng của bà H3 dùm cho bà H1 như lời trình bày của nguyên đơn. Đối với bà Trần Thị Nh chỉ chứng kiến được việc giao nhận đối với 05 cây vàng 24K loại 9999 và bị đơn cũng thừa nhận nợ đối với phần này.

[6] Đối với bà Nguyễn Thị Thu H3 không chứng kiến việc thỏa thuận vay, giao nhận vàng giữa bà H và bà H1. Bà H3 xác định có chứng kiến việc bà H1 và bà H đến nhà bà H3 để yêu cầu bà H3 chậm đòi tiền bà H, với lý do bà Hận xác định bà H vay tiền dùm bà H1. Lời khai này của bà H3 trình bày có mâu thuẫn qua 02 lần đối chất: Tại biên bản đối chất ngày 02/6/2022 bà Hà khai việc bà Hận đến nhà bà H3 thỏa thuận kêu bà H3 chậm đòi tiền bà H không có người chứng kiến, nhưng đến biên bản đối chất ngày 22/6/2022 bà H3 trình bày có bà Lê Thị Cẩm T chứng kiến là có mâu thuẫn, đồng thời việc chứng kiến này không cụ thể ngày tháng năm và cũng không có giá trị chứng minh cho việc giao dịch vay vàng giữa bà H và bà H1. Đối với sổ nợ do bà H cung cấp có ghi tên “H1”, bà H1 không thừa nhận chữ ký của bà H1, nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu giám định chữ ký, yêu cầu Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Do đó, bà H phải chịu nghĩa vụ không chứng minh được.

[7] Đối chiếu lời khai nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng chứng minh được: Về tiền, bị đơn thống nhất còn nợ nguyên đơn 62.000.000đồng. Về vàng, bị đơn chỉ thừa nhận số vàng bà H vay của bà Nh số lượng 05 cây vàng 24K loại vàng thông thường 98%, bị đơn đã trả 02 cây còn nợ 03 cây. Nguyên đơn xác định số vàng vay của bà Nh 05 cây vàng 24K loại vàng 9999. Đối chiếu với lời khai người làm chứng Trần Thị Nh xác định lúc bà H1 đến nhận vàng tại nhà bà Nh giao là 05 cây vàng 24K loại 9999. Nên có căn cứ xác định H đã vay dùm bà H1 05 cây vàng 24K loại 9999, bà H1 đã trả 02 cây vàng 24K loại 9999, còn lại 03 cây vàng 24K loại 9999, bà H đã trả thay nên bà H1 có trách nhiệm trả cho bà H 03 cây vàng 24K loại 9999.

[8] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả sợi dây chuyền vàng nữ trang 18K, trọng lượng 3,33 chỉ; bị đơn xác định có mượn sợi dây chuyền nhưng

không rõ trọng lượng; bị đơn cho rằng chỉ nhận số tiền 6.260.000đồng, nên không đồng ý trả vàng. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Lê Thị H1 đều thừa nhận bà H1 hỏi mượn sợi dây chuyền vàng 18K của bà H. Tuy nhiên, bà H1 bị té xe không đi bán được nên nhờ bà H đi bán dùm. Bà H xác định việc bán vàng có trọng lượng 3,33 chỉ với số tiền 6.660.000đồng, tại Tiệm vàng Nguyễn Văn Thương Phương theo tờ giấy bà H cung cấp có ghi chữ số “ $3^{c}33 \times 2000 = 6600$ ”. Mặc dù bà H có cung cấp tờ giấy bán vàng không thể hiện thông tin cụ thể về trọng lượng, loại vàng, giá cả, ngày tháng năm giao dịch. Tuy nhiên, các đương sự không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ, áp dụng khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Qua đối chiếu giá vàng nữ trang 18K bán ra và giá vàng mua nữ trang 18K mua vào năm 2017 với lời khai nguyên đơn và bị đơn cho thấy trọng lượng vàng với số tiền nguyên đơn trình bày và số tiền bị đơn đã nhận là tương đương nhau. Đối với vàng nữ trang mua vào sẽ có giá thấp hơn giá bán ra. Đối với lời khai của bị đơn ông Phan Thanh H2 cho rằng giá vàng nữ trang 18K năm 2017 có giá 3.120.000đồng/chỉ và trọng lượng vàng 18K bà H đã trình bày không đúng là không phù hợp. Từ đó, có căn cứ xác định bà H1 đã hỏi mượn bà H sợi dây chuyền vàng nữ trang 18K, cả hai đều thừa nhận giao dịch bằng vàng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, *“bà H1 thừa nhận có đi mua vàng trả bà H trước khi khởi kiện nhưng bà H không nhận. Nên khi bà H khởi kiện tại Tòa án bà H1 chỉ đồng ý trả tiền, không đồng ý trả vàng”*. Tại phiên tòa, khi Đại diện Viện kiểm sát hỏi bà có đồng ý trả vàng theo như yêu cầu của nguyên đơn hay không, bà H1 đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn tại phiên tòa.

[9] Đối với ông Phan Thanh H2, không biết việc vay mượn tiền vàng của bà H1. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông H2 đều trình bày ý kiến đồng ý trả nợ cho bà H cùng với bà H1 đối với các khoản nợ bà H1 thừa nhận. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Lệ H buộc bà Lê Thị H1, ông Phan Thanh H2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 62.000.000đồng; 03 cây vàng 24K loại 9999, 01 sợi dây chuyền vàng nữ trang 18K có trọng lượng 3,33 chỉ. Đối với phần còn lại không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận.

[10] Về án phí: áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Bị đơn bà Lê Thị H1 phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thống nhất tham khảo giá vàng thị trường, trên internet tại thời điểm xét xử ngày 19/7/2022 làm căn cứ giải quyết vụ án:

[10.1] Bị đơn phải chịu án phí với số tiền: (03 cây vàng 24K loại 9999 x 53.000.000đồng = 159.000.000đồng) + (3,33 chỉ vàng nữ trang 18K x 3.945.000đồng = 13.136.850 đồng) + 62.000.000đồng) = 234.136.850 x 5% = 11.706.840 đồng.

[10.2] Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận gồm: 12,4 cây vàng 24K (trong đó có 03 cây vàng 24K loại SJC và 9,4 cây vàng 24K loại 9999). Cụ thể là: (03 cây vàng 24K loại SJC x 67.950.000đồng = 203.850.000đồng) + (9,4 cây vàng 24K loại 9999 x 53.000.000đồng = 498.200.000 đồng) = 702.050.000đồng = 20.000.000đồng + (302.050.000đồng x 4% = 12.082.000đồng) = 32.082.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Lệ H.

Buộc bà Lê Thị H1 và ông Phan Thanh H2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Lệ H số tiền 62.000.000đồng (sáu mươi hai triệu đồng); 03 (ba) cây vàng 24K, loại 9999, 01 (một) sợi dây chuyền loại vàng nữ trang 18K, có trọng lượng 3,33 chỉ (ba phẩy ba mươi ba).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Lệ H đối với yêu cầu buộc bị đơn bà Lê Thị H1, ông Phan Thanh H2 có trách nhiệm trả số vàng 12,4 (mười hai phẩy bốn) cây vàng 24K (trong đó có 03 (ba) cây vàng 24K loại SJC và 9,4 (chín phẩy bốn) cây vàng 24K loại 9999).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Mai Lệ H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Lê Thị H1, ông Phan Thanh H2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị đơn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lê Thị H1, ông Phan Thanh H2 phải nộp số 11.706.840đồng (mười một triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Nguyên đơn bà Mai Lệ H phải chịu số tiền 32.082.000đồng (ba mươi hai triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Mai

Lệ H được khấu trừ số tiền 16.700.000đồng (mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002740 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, bà Mai Lệ H phải nộp thêm số tiền 15.382.000đồng (mười lăm triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Diệu

